

Số: /NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (“Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn số/BB-BSR ngày 23 tháng 5 năm 2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 (Báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2023		
			Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.644,8	145.102,4	150.116,0
2	Nộp NSNN		9.825,3	15.703,3	17.419,9
3	Lợi nhuận trước thuế		1.820,6	5.428,3	9.639,3
4	Lợi nhuận sau thuế		1.628,4	4.867,7	8.592,6
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ				

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

⁽²⁾ Theo Nghị quyết số 7234/NQ-BSR của HĐQT Công ty (phê duyệt theo ủy quyền của ĐHĐCĐ).

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2023		
			Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.370,8	145.013,8	150.073,2
2	Nộp NSNN		9.812,8	15.692,3	17.409,0
3	Lợi nhuận trước thuế		1.912,7	5.586,8	9.800,5
4	Lợi nhuận sau thuế		1.721,5	5.028,1	8.755,1

b. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đầu tư

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH	KHĐC	TH năm 2023
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	196,4
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	954,8	83,77	38,02
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	89,1	11,8	4,04
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9	10,5	3,27
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2	1,3	0,77
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	578,6	291,8	154,31
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

1.2.1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

TT	Sản phẩm	Đvt	Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	134.485	134.485
2.	LPG	Tấn	382.703	382.703
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.388	37.388
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	588.013	588.013
5.	Xăng RON 95	Tấn	1.731.823	1.731.823
6.	Jet A1	Tấn	417.652	417.652
7.	Diesel Oil	Tấn	2.281.113	2.281.113
8.	Fuel Oil	Tấn	151.557	84.466
9.	Lưu huỳnh	Tấn	3.000	3.000
	TỔNG	Tấn	5.727.735	5.660.644

1.2.2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,2

1.2.3. Kế hoạch Công ty Mẹ

– Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56.302,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.079,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,9
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,8
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,1%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3,0%
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6

Ghi chú: Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70 USD/thùng.

– Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	994,3
1.2	Mua sắm Trang thiết bị/Tài sản cố định	Tỷ đồng	342,4
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	

1.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Đăng ký thủ tục chuyển sàn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.



- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, linh hoạt phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế; báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện ủy quyền và công bố thông tin theo quy định.
- 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 (Báo cáo đính kèm).
- 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo đính kèm).
- 4. Thông qua Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Báo cáo đính kèm);
 - Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023: 12.755.500.000 đồng.
 - Kế hoạch Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư số 28/2016/TTBLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước).
- 5. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 (Tờ trình đính kèm).
- 6. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình đính kèm).

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	16.636.570.994.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	7.881.456.525.320
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	8.755.114.469.628
II	Phân phối lợi nhuận	5.140.562.672.088
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	343.678.600.000
	- <i>Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động</i>	<i>340.787.100.000</i>
	- <i>Quỹ Thưởng người quản lý</i>	<i>2.891.500.000</i>
2	Chia cổ tức (7% VDL tương đương 700 đồng/cổ phiếu)(*)	2.170.349.731.200
3	Quỹ Đầu tư phát triển	2.626.534.340.888
III	LNST chưa phân phối năm 2023 chuyển sang năm 2024	11.496.008.322.860

(*) Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện phương án tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và các quy định hiện hành, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.



7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (Tờ trình đính kèm). Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai lựa chọn trong các đơn vị sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH KPMG.

8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Tờ trình đính kèm) và Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung);

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người Phụ trách quản trị, Thư ký Công ty, Trưởng các Ban, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN VĂN HỘI

